TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2018/HNGĐ-PT
Ngày 20/6/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**

Các Thẩm phán: **Ông Nguyên Vũ Đông**

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: **Ông Lưu Việt Thắng**

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Bà Bùi Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/LHPT ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2018/QĐ-PT ngày 17/4/2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Anh LVT – sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội

*** Bị đơn:** Chị NTT – sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn Ấp Hạ, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Luật sư Vũ Khắc Huy – Văn phòng Luật sư Đại Hải Thủy – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank)

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh – Chủ tịch Hội đồng thành viên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Tiến Khương – Phó giám đốc phòng giao dịch Agribank – chi nhánh Tiền Phong

2. Ông LVA - sinh năm 1943

3. Bà TTL – sinh năm 1954

Đều trú tại: Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội

*** Người làm chứng:** Bà Bùi Thị Lan – sinh năm 1967

Nơi cư trú: Ấp Hạ, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn là anh LVT trình bày:

Anh và chị NTT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2009 tại UBND xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị NTT về làm dâu ngay, sống chung với gia đình nhà chồng khoảng 2 tháng thì được bố mẹ anh cho ở riêng tại thửa đất khác của gia đình có từ trước, vợ chồng làm ruộng, chăn nuôi, độc lập về kinh tế với bố mẹ. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau, chị NTT nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, không có trách nhiệm với chồng con. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 3/2013, chị NTT bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau. Anh LVT không còn tình cảm với chị NTT nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Đức Thành – sinh năm 07/4/2010, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh LVT đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị NTT cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị NTT trình bày:

Chị nhất trí với anh LVT về điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị về sống chung với bố mẹ chồng trên đất và nhà của bố mẹ chồng được 5 tháng thì bố mẹ chồng cho vợ chồng chị ra ở riêng tại thửa đất khác của bố mẹ, vợ chồng làm ruộng, chăn nuôi, độc lập về kinh tế. Quá trình chung sống, vợ chồng sớm phát sinh mâu thuẫn do anh LVT ham chơi cờ bạc và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà. Mâu thuẫn trầm trọng từ ngày 15/2/2013, anh LVT đánh và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay. Hiện nay, anh LVT đang có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đã có con riêng nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh LVT trình bày. Trong trường hợp ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh LVT nuôi dưỡng, anh LVT không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý.

Về tài sản chung: Ngày 04/7/2017, chị NTT có đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Theo đó, chị NTT xác định tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Diện tích 400m^2 đất, thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24, tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội, được UBND huyện Mê Linh cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số BB 735619 ngày 31/8/2010 mang tên anh LVT, có nguồn gốc do bố mẹ chồng tặng cho anh LVT;

- Nhà hai tầng trên đất do vợ chồng chị xây năm 2011. Khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ, nhà hai tầng của vợ chồng chị đã trát toàn bộ tường nhưng chưa sơn, chưa ốp gạch men tầng 1. Sau khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng xây thêm tầng 3, ốp gạch tầng 1, sơn toàn bộ nhà 3 tầng và xây dựng thêm các công trình khác.

Trong trường hợp ly hôn, chị NTT yêu cầu Tòa án chia cho chị được hưởng bằng tiền ½ giá trị tài sản chung gồm 400m^2 đất và nhà hai tầng tính đến thời điểm chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ năm 2013.

Chị được biết sau khi chị bỏ đi, anh LVT thế chấp đất và tài sản trên thửa đất 539-1, trong đó có tài sản chung của vợ chồng để vay tiền tại ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank) - phòng giao dịch Tiền Phong. Chị NTT xác định đây là nợ riêng của anh LVT, không liên quan đến chị. Việc anh LVT mang tài sản chung của vợ chồng đi thế chấp mà không có sự đồng ý của chị là trái pháp luật, chị yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ngân hàng và anh LVT.

Trước yêu cầu phản tố của chị NTT, anh LVT trình bày:

Ngày 09/8/2010, anh được bố mẹ tặng cho riêng 400m^2 đất là một phần của thửa đất 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội. Ngày 31/8/2010, UBND huyện Mê Linh đã cấp GCNQSDĐ cho anh đối với thửa đất số 539-1, diện tích 400m^2, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội. Do đó, 400m^2 đất bố mẹ tặng cho riêng anh là tài sản riêng của anh, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Về ngôi nhà và các công trình xây dựng trên đất, Anh LVT và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông LVA và bà TTL thống nhất trình bày:

Do vợ chồng anh LVT chưa có nhà ở, nên từ tháng 5/2011 đến tháng 11/2011, vợ chồng ông LVA xây hai tầng nhà chưa hoàn thiện (chưa sơn). Trong quá trình xây dựng, chị NTT bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh LVT và chị NTT đều không có công sức và đóng góp gì. Sau khi xây xong nhà, vợ chồng ông LVA bảo vợ chồng anh LVT về ở tại ngôi nhà này. Quá trình chung sống, vợ chồng anh LVT không xây dựng gì thêm mà tiếp tục mâu thuẫn, nhiều lần chị NTT bỏ về nhà bố mẹ đẻ rồi trở lại. Từ tháng 2/2013 cho đến nay, chị NTT bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau khi chị NTT bỏ đi, vợ chồng ông LVA tiếp tục xây dựng thêm tầng 3 ngôi nhà, ốp lát, sơn tường và xây dựng các công trình khác như hiện nay. Vợ chồng ông LVA và anh LVT xác định toàn bộ nhà và các công trình xây dựng trên đất là tài sản của vợ chồng ông LVA, vợ chồng anh LVT không có quyền lợi gì. Do đó, vợ chồng ông LVA và anh LVT không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của chị NTT.

Về nợ:

Ngày 20/12/2016, anh LVT vay Ngân hàng Agribank số tiền 500.000.000đ, đã thế chấp cho Ngân hàng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội. Hồ sơ thế chấp chỉ có chữ ký của anh LVT, vợ chồng ông LVA không ký vào hồ sơ thế chấp nhưng đồng ý cho anh LVT thế chấp tài sản trên đất. Anh LVT xác định khoản vay ngân hàng trên là nợ riêng của anh, không liên quan đến chị NTT. Chị NTT yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp, anh không đồng ý.

Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) trình bày:

Ngân hàng và anh LVT xác lập hợp đồng tín dụng số 01 ngày 20/12/2016, theo đó, ngân hàng cho anh LVT vay 500.000.000đ, lãi suất theo thỏa thuận. Anh LVT đã thế chấp đất và tài sản trên đất tại thửa 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay trên. Ngân hàng nhận thế chấp đất và tài sản trên đất trên cơ sở GCNQSDĐ mang tên anh LVT, đối với tài sản trên đất, anh LVT đã cam kết tài sản đó là của riêng anh LVT, không ai có quyền lợi liên quan. Do đó, anh LVT phải thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp đã ký giữa hai bên. Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của Bị đơn, Ngân hàng không đồng ý.

Người làm chứng là bà Bùi Thị Lan trình bày:

Bà là mẹ của chị NTT. Ngày 06/6/2011 (âm lịch - tức ngày 06/7/2011 dương lịch), chị NTT được đền bù đất nông nghiệp tại xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội với số tiền 297.000.000 đồng. Chị NTT nói lại với bà là đã sử dụng số tiền này để đưa cho bố chồng chị NTT, nhờ ông xây nhà trên đất của bố mẹ chồng cho anh LVT. Ngoài ra, bà không biết gì khác.

Tại bản án số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 11/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh LVT, anh LVT được ly hôn với chị NTT.

2. Về nuôi con chung: anh LVT và chị NTT có 01 con chung là Lê Đức Thành – sinh ngày 07/4/2010. Ly hôn, giao cháu Thành cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị NTT vì anh LVT không yêu cầu. Chị NTT có quyền, nghĩa vụ thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản: Xác định thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24, diện tích 400m^2 (trong đó có 75m^2 đất ở và 325m^2 đất trồng cây lâu năm) tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số BB 735619 ngày 31/8/2010 mang tên anh LVT là tài sản riêng của

anh LVT có giá trị 662.500.000 đ (Sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị NTT về việc yêu cầu hưởng ½ giá trị quyền sử dụng 400m^2 đất, thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24 tại Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

Xác định hai tầng nhà xây dựng năm 2011 trên thửa đất 539-1, tờ bản đồ số 24, diện tích 400m^2 tại Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, TP Hà Nội là tài sản chung của anh LVT và chị NTT có giá trị 493.536.000 đ (bốn trăm chín mươi ba triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Anh LVT được hưởng 2/3 giá trị hai tầng nhà là 329.024.000 đ (ba trăm hai mươi chín triệu không trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Chị NTT được hưởng 1/3 giá trị hai tầng nhà là 164.512.000 đ (Một trăm sáu mươi tư triệu năm trăm mười hai nghìn đồng).

Anh LVT quản lý, sử dụng nhà và có trách nhiệm thanh toán cho chị NTT 164.512.000 đ (Một trăm sáu mươi tư triệu năm trăm mười hai nghìn đồng).

Xác định khoản vay tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 01 ngày 20/12/2016 giữa Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Mê Linh - phòng giao dịch Tiền Phong với anh LVT là nợ riêng của anh LVT.

Không chấp nhận yêu cầu của chị NTT về việc hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/3/2016 giữa Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Mê Linh - phòng giao dịch Tiền Phong với anh LVT.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 24/10/2017, chị NTT có đơn kháng cáo với nội dung:

1. Định giá lại tài sản là căn nhà bê tông 2 tầng, diện tích 96,8m^2 trên thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội.

2. Chia đôi tài sản chung của vợ chồng chị NTT và anh LVT (mỗi người ½) căn nhà bê tông 2 tầng, diện tích 96,8m^2 trên thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội. Chị NTT xin được hưởng bằng tiền.

3. Xác định quyền sử dụng đất 400m^2 trên thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng và chia quyền lợi cho chị NTT phù hợp theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/10/2017, anh LVT có đơn kháng cáo với nội dung: Căn nhà nhà bê tông 2 tầng tại xóm 8, thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội là do bố mẹ anh bỏ tiền ra xây dựng từ năm 2011. Trong thời gian xây dựng, chị NTT bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng không có công sức đóng góp gì, bố mẹ anh chưa có văn bản nào cho vợ chồng anh chị. Do đó đây là tài sản của bố mẹ anh chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 23/10/2017, ông LVA và bà TTL có đơn kháng cáo với nội dung: Căn

nhà nhà bê tông 2 tầng tại xóm 8, thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, Hà Nội là do ông bà bỏ tiền ra xây dựng từ năm 2011. Trong thời gian xây dựng, chị NTT bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng không có công sức đóng góp gì, ông bà chưa có văn bản nào cho vợ chồng anh chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết mâu thuẫn, bất đồng trong quan hệ hôn nhân. Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới và các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh LVT trình bày:

Thửa đất là do bố mẹ anh tặng riêng cho anh và đã được UBND huyện Mê Linh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên anh là tài sản riêng của anh. Khi vợ chồng lấy nhau, bố mẹ anh cho ra ở riêng và toàn bộ tiền xây dựng là của ông LVA và bà TTL xây trên đất của anh, đây là tài sản riêng của anh chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, khi xây dựng thì vợ chồng anh không có công sức đóng góp gì, vợ chồng liên tục mâu thuẫn, chị NTT thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ nên không thể đóng góp tiền của cũng như công sức để xây hai tầng nhà được nên anh không đồng ý chia cho chị NTT.

Chị NTT trình bày:

Chị xác định quyền sử dụng đất là của riêng anh LVT do bố mẹ anh tặng riêng cho anh LVT nay chị không tranh chấp gì. Khi vợ chồng chị lấy nhau thì bố mẹ chồng cho ra ở riêng. Khi xây dựng hai tầng nhà thì vợ chồng có tích cóp tiền từ việc chăn nuôi, cộng với việc chị được tiêu chuẩn đền bù đất là 296 triệu đồng, chị đem tiền về để cùng xây nhà. Khi vợ chồng mâu thuẫn, chị không ở cùng với anh LVT thì lúc đó ngôi nhà mới xây thô được hai tầng chưa hoàn thiện. Do đó chị đề nghị Tòa xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và chia đôi cho chị được hưởng bằng tiền. Chị kháng cáo về việc hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã không áp dụng đơn giá xây dựng của thành phố ban hành. Nay Tòa án đã tiến hành thủ tục định giá lại thì đề nghị áp dụng theo định giá mới.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị NTT trình bày:

Về ngôi nhà hai tầng xây thô là tài sản chung của chị NTT và anh LVT, đề nghị Tòa chia đôi tài sản chung này cho chị NTT. Chị NTT xin được hưởng bằng tiền. Việc chị NTT kháng cáo về việc hội đồng định giá tài sản cấp sơ thẩm đã không áp dụng theo đơn giá của thành phố ban hành. Nay cấp phúc thẩm đã cho tiến hành định giá lại thì chị NTT không có ý kiến gì. Tuy nhiên việc nhân theo đơn giá với diện tích xây dựng chưa chính xác nên đề nghị xem xét lại.

Bà TTL trình bày:

Từ khi anh LVT và chị NTT lấy nhau được thời gian ngắn thì ông bà đã cho vợ chồng anh chị ra ăn ở riêng. Do vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn nên ông bà đã bỏ toàn bộ tiền ra xây nhà để anh chị chung sống, chị NTT thường xuyên

bỏ về nhà mẹ đẻ và đến năm 2013 thì không quay về ở nữa. Do đó việc chị NTT trình bày có được tiền đền bù đất bên gia đình nhà chị để đem tiền đó về xây nhà ở đây là không đúng. Mặt khác, anh chị mới lấy nhau nên không thể tích lũy được tiền để xây nhà. Sau khi chị NTT bỏ đi hẳn thì ông bà lại bỏ tiền ra để xây thêm tầng ba và hoàn thiện toàn bộ ngôi nhà. Anh chị không có công sức đóng góp gì trong việc xây dựng. Bà khẳng định đây là tài sản của vợ chồng ông bà chứ không phải là tài sản của anh LVT hay chị NTT nên không đồng ý chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của chị NTT, anh LVT, ông LVA và bà TTL nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc chị NTT trình bày chị dùng tiền được bồi thường đất nông nghiệp, tiền chăn nuôi để mua vật liệu để làm nhà nhưng không còn giữ hóa đơn chứng từ nên không có căn cứ chấp nhận. Các nhân chứng là chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng có lời trình bày không biết chị NTT và căn cứ vào lời trình bày của bà TTL, ông LVA cũng như các tài liệu thể hiện việc xây ngôi nhà hai tầng này là do ông LVA và bà TTL là người trực tiếp bỏ tiền ra xây. Cấp sơ thẩm vẫn xác định ngôi nhà hai tầng xây thô là tài sản chung của anh LVT và chị NTT là không có căn cứ nên sửa án sơ thẩm không chấp nhận là tài sản chung của anh LVT và chị NTT. Mặt khác, chị NTT có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm không ra quyết định thụ lý yêu cầu này nhưng bản án vẫn quyết định không chấp nhận yêu cầu độc lập này của chị NTT là không đúng nên sửa lại cách tuyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của chị NTT, anh LVT, ông LVA và bà TTL nằm trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của anh LVT cho rằng căn nhà trên là của bố mẹ anh bỏ tiền ra xây toàn bộ nên đây là nhà của bố mẹ anh còn anh chỉ là người ở nhờ. Xét kháng cáo của ông LVA và bà TTL cho rằng căn nhà này là của ông bà bỏ tiền ra để xây dựng toàn bộ nên đây không phải là tài sản của anh LVT và chị NTT mà là tài sản của ông bà: Cấp sơ thẩm đã kết luận mặc dù vợ chồng ông LVA, bà TTL là người đầu tư xây dựng ngôi nhà trên đất của anh LVT trong thời kỳ hôn nhân của anh LVT và chị NTT, nhưng không có thỏa thuận nào hạn chế quyền sở hữu của vợ chồng anh LVT và chị NTT. Sau khi xây xong hai tầng nhà, vợ chồng ông LVA,

bà TTL cho vợ chồng anh LVT sống tại ngôi nhà đó. Năm 2016, anh LVT thế chấp nhà và đất cho Ngân hàng Agribank để vay 500.000.000đ mà không cần vợ chồng ông LVA ký hợp đồng thế chấp. Do vậy cấp sơ thẩm xác định căn nhà hai tầng là tài sản chung của vợ chồng anh LVT và chị NTT, còn tầng ba do ông LVA và bà TTL bỏ tiền ra xây dựng sau khi chị NTT không còn ở cùng với anh LVT nữa là tài sản của ông LVA và bà TTL là có căn cứ. Khi chia tài sản chung vợ chồng, cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đến nguồn gốc công sức của ông LVA, bà TTL và đã chia cho anh LVT được hưởng phần nhiều hơn là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh LVT, ông LVA và bà TTL cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét kháng cáo của chị NTT về việc Hội đồng định giá cấp sơ thẩm không áp dụng đơn giá xây dựng như quy định của UBND thành phố Hà Nội ban hành là có căn cứ. Tòa án đã tiến hành thành lập hội đồng định giá lại nên áp dụng theo giá của biên bản định giá lại ngày 12/6/2018. Xét yêu cầu của chị NTT về việc yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng thì thấy rằng cấp sơ thẩm đã xác định ngôi nhà hai tầng chưa hoàn thiện là tài sản chung và khi chia tài sản chung đã xem xét đến nguồn gốc công sức của ông LVA, bà TTL trong việc xây dựng ngôi nhà này và đã chia như bản án là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy chỉ chấp nhận một phần kháng cáo của chị NTT và sửa án sơ thẩm.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát đề nghị xem xét đến việc chị NTT tại cấp sơ thẩm có đề nghị hủy hợp đồng thế chấp tài sản, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu độc lập này mà vẫn tuyên trong phần quyết định không chấp nhận yêu cầu của chị NTT là không đúng. Căn cứ vào đơn phản tố của chị NTT ngày 04/7/2017 thì chị NTT không có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại các biên bản họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, chị NTT cũng không có yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không coi là yêu cầu phản tố nên không thụ lý là phù hợp. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị NTT có trình bày yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp tài sản và Tòa án huyện Mê Linh đã không chấp nhận lời trình bày này của chị NTT cũng phù hợp với bản chất sự việc.

Về án phí: Anh LVT, bà TTL, ông LVA phải chịu án phí phúc thẩm, chị NTT không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh LVT, ông LVA và bà TTL. Chấp nhận một phần kháng cáo của chị NTT. Sửa bản án sơ thẩm số 35/2017/HNGĐ-ST ngày 11/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội và xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh LVT, anh LVT được ly hôn với chị NTT.

Về con: Anh LVT và chị NTT có 01 con chung là cháu Lê Đức Thành – sinh ngày 07/4/2010. Ly hôn, giao cháu Thành cho anh LVT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị NTT vì anh LVT không yêu cầu. Chị NTT có quyền, nghĩa vụ thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản:

Xác định thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24, diện tích 400m^2 (trong đó có 75m^2 đất ở và 325m^2 đất trồng cây lâu năm) tại Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ số BB 735619 ngày 31/8/2010 mang tên anh LVT là tài sản riêng của anh LVT có giá trị 662.500.000 đ (*sáu trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của chị NTT về việc yêu cầu hưởng ½ giá trị quyền sử dụng 400m^2 đất, thửa đất số 539-1, tờ bản đồ số 24 tại thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, TP. Hà Nội.

Xác định hai tầng nhà xây dựng năm 2011 trên thửa đất 539-1, tờ bản đồ số 24, diện tích 400m^2 tại Thôn Tráng Việt, xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, TP Hà Nội là tài sản chung của anh LVT và chị NTT có giá trị 537.526.476đ (*năm trăm ba mươi bảy triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm bảy sáu đồng*). Anh LVT được hưởng 2/3 giá trị hai tầng nhà là 358.350.984đ (*ba trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn chín trăm tám tư đồng*). Chị NTT được hưởng 1/3 giá trị hai tầng nhà là 179.175.492đ (Một trăm bảy mươi chín triệu một trăm bảy lăm nghìn bốn trăm chín hai đồng).

Anh LVT quản lý, sử dụng nhà và có trách nhiệm thanh toán cho chị NTT 179.175.492đ (Một trăm bảy mươi chín triệu một trăm bảy lăm nghìn bốn trăm chín hai đồng).

Xác định khoản vay tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 01 ngày 20/12/2016 giữa Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Mê Linh-phòng giao dịch Tiền Phong với anh LVT là nợ riêng của anh LVT.

Không chấp nhận yêu cầu của chị NTT về việc hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/3/2016 giữa Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Mê Linh - phòng giao dịch Tiền Phong với anh LVT.

2. Về án phí: Anh LVT phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, 17.917.594đ *(mười bảy triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm chín tư đồng*) án phí chia tài sản sơ thẩm và 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo biên lai số 4497 ngày 23/5/2017 và 4705 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Mê Linh. Anh LVT còn phải nộp tiếp 17.917.594đ (*mười bảy triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm chín tư đồng*).

Chị NTT phải chịu 8.958.775 đồng án phí chia tài sản sơ thẩm và 16.562.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hưởng ½ giá trị quyền sử dụng đất không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 4596 ngày 19/7/2017 và biên lai số 4704 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Chị NTT còn phải nộp tiếp 9.820.775đ (*chín triệu tám trăm hai mươi nghìn bảy trăm bảy lăm đồng*).

Ông LVA và bà TTL phải chịu mỗi người 300.000 đ án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 4706 và 4707 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND Hà Nội;*
- *TAND huyện Mê Linh, HN;*
- *Chi cục THADS huyện Mê Linh, HN;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Thắng